TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 639/2025/DS - PT
Ngày 22 - 12 - 2025
V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy tờ nhượng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: **Ông Lê Minh Đạt**

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy tờ nhượng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2025/DS - ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 567/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 360/2025/QĐ – PT ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Bùi Thị P, sinh năm:1958 **(có mặt)**

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị P: Anh Phạm Quang H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2025 (BL 574).

2. Chị Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long).

3. Chị Huỳnh Thị Mỹ H1, sinh năm: 1979 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long).

4. Chị Huỳnh Thị Hồng C, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long).

5. Chị Huỳnh Thị Xuân H2, sinh năm 1985 (có mặt)

6. Chị Huỳnh Thị Kim H3, sinh năm 1999 (Xin vắng mặt)

7. Chị Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1987 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre(nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Quang H4 (T1), sinh năm 1965 **(vắng mặt)**

2. Bà Lê Thị P1, sinh năm 1970 **(vắng mặt)**

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trương Văn T2, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2020 (BL 457).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Bùi Thị P, chị Huỳnh Thị Mỹ D, chị Huỳnh Thị Mỹ H1, chị Huỳnh Thị Hồng C, chị Huỳnh Thị Xuân H2, chị Huỳnh Thị Kim H3, chị Huỳnh Thị Ngọc T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị P, chị Huỳnh Thị Mỹ D, chị Huỳnh Thị Mỹ H1, chị Huỳnh Thị Hồng C, chị Huỳnh Thị Xuân H2, chị Huỳnh Thị Kim H3, chị Huỳnh Thị Ngọc T trình bày: Năm 1976 vợ chồng ông Huỳnh Thanh M và bà Bùi Thị P được cha mẹ chồng cho diện tích đất 1.500 m^2 đất tọa lạc xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Năm 1990 vợ chồng ông M, bà P có cho ông Võ Quang C1 mướn một phần đất để làm nhà máy xay lúa có chiều ngang 12,5 mét, chiều dài 24 mét, phần đất giáp đường Tỉnh lộ 883, với giá mướn đất là 600.000 đồng. Thời hạn cho mướn là khi nào ông C1 không còn làm nhà máy xay lúa thì phải trả lại đất cho vợ chồng

ông M, bà P. Khi cho mướn đất giữa các bên có làm giấy tay ghi "Tờ nhượng đất ngày 23/12/1990", lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản cò chữ ký của ông Võ Quang C1, ông Huỳnh Thanh M và người làm chứng là ông Huỳnh Văn T3, giấy tay không có xác nhận của chính quyền địa phương. Đối với giấy tay bà P giữ do bão nên hiện nay không còn, chỉ còn lại bản chính do ông Võ Quang H4 đang giữ. Đến năm 2009 ông Huỳnh Thanh M chết và ông C1 cũng không còn sử dụng đất mướn để làm nhà máy xay lúa mà giao đất cho con là ông Võ Quang H4 sử dụng. Ngày 13/12/2000 ông Võ Quang H4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1301, tờ bản đồ số 2 có diện tích là 225 m^2. Năm 2008, giữa các bên xảy ra tranh chấp thửa đất số 1301, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà Bùi Thị P xác nhận "Tờ nhượng đất ngày 23/12/1990" bà không có ký tên và cả ông T3 người làm chứng không có ký tên. Đất tranh chấp hiện nay vợ chồng ông Võ Quang H4 và bà Lê Thị P1 đang trực tiếp sử dụng và có xây dựng nhà kiên cố trên đất. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Quang H4 và bà Lê Thị P1 phải trả lại toàn bộ phần diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 289.8 m^2 thuộc thửa đất số 1301, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre, đất do ông Võ Quang H4 đại diện hộ đứng tên; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử đất cấp cho ông H4 đối với thửa đất số 1301, tờ bản đồ số 2 ngày 13/12/2000; hủy "Tờ nhượng đất để làm nhà máy xay lúa lập ngày 23/12/1990". Đối với các cây trồng, vật kiến trúc có trên đất tranh chấp của vợ chồng ông Võ Quang H4 và bà Lê Thị P1 tự tháo dỡ, di dời toàn bộ đi nơi khác để trả đất, không đồng ý bồi hoàn giá trị và không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà P có thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất, bà P yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 288.9 m^2 (phần ký hiệu 8-2 diện tích 286.3 m^2, 8-3 diện tích 2.0 m^2, 8-4 diện tích 0,6 m^2) còn các yêu cầu khởi kiện khác bà P vẫn giữ nguyên, không thay đổi.

Bị đơn ông Võ Quang H4 trình bày: Ông lập gia đình năm 1985 và sống chung với cha mẹ ông đến năm 1990, cha ông là ông Võ Quang C1 muốn vợ chồng ông tự lập nên ông đã đi nhiều nơi tìm địa điểm thuận tiện để mua đất làm nhà máy xay lúa và đã gặp vợ chồng ông Huỳnh Thanh M có nhu cầu sang nhượng đất nên hai bên đã gặp nhau, trao đổi về cách thức sang nhượng, giá cả và đi đến thống nhất nên tiến hành viết hợp đồng sang nhượng đất ngày 23/12/1990 với giá sang nhượng là 600.000 đồng, vợ chồng ông M, bà P có cùng ký tên và có người em ruột ông M là ông Huỳnh Văn T3 ký tên vào hợp đồng. Đến giữa năm 1991, ông nghỉ việc ở Văn phòng H5 trông coi nhà máy và sau đó thì cha ông giao giấy sang đất ngày 23/12/1990 cho ông và ông có hỏi cha ông là: *"Sao cha mua đất mà*

cho con đứng tên và cha ông trả lời rằng, ông muốn cho đứa nào đâu đó rõ ràng để sau này cha có chết các con khỏi phiền phức". Năm 1992, vợ chồng ông M có nhu cầu bán phần đất liền kề phía sau phần đất đã bán trong tờ hợp đồng ngày 23/12/1990 với chiều ngang 10 mét, chiều dài 11 mét với giá bán là 500.000 đồng. Vợ chồng ông đồng ý nên hai bên đã ký kết hợp đồng sang nhượng đất vào ngày 11/12/1992. Năm 2006 ông có đi kiện vợ chồng ông M, bà P về tranh chấp hợp đồng mua bán đất nhưng quá trình giải quyết tại Tòa án khi ông đi trích lục thì mới biết là phần đất ông tranh chấp đã được cấp sổ đỏ cho ông đứng với diện tích đất mà ông mua của ông M năm 1990 nên ông đã rút đơn khởi kiện. Nay phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả đất ông không đồng ý.

Anh Trương Văn T2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Võ Quang H4 trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bị đơn ông Võ Quang Huỳnh .

Bị đơn bà Lê Thị P1 trình bày: Bà là vợ ông Võ Quang H4, bà hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của ông H4, không có ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre trình bày: Thửa đất số 1301, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Quang H4 đại diện hộ đứng tên cấp ngày 13/12/2000 là đúng trình tự, thủ tục quy định. Quá trình xét cấp không ai có khiếu nại, các bên có tranh chấp thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2025/DS - ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long) đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Bùi Thị P, chị Huỳnh Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Mỹ H1, Huỳnh Thị Hồng C, Huỳnh Thị Xuân H2, Huỳnh Thị Kim H3, Huỳnh Thị Ngọc T đối với bị đơn ông Võ Quang H4 (T1) và bà Lê Thị P1).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn bà Bùi Thị P, chị Huỳnh Thị Mỹ D, chị Huỳnh Thị Mỹ H1, chị Huỳnh Thị Hồng C, chị Huỳnh Thị Xuân H2, chị Huỳnh Thị Kim H3, chị Huỳnh Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy tờ nhượng đất để làm nhà máy xay lúa ngày 23/12/1990, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Quang H4 đối với thửa đất 1310, buộc ông Võ Quang H4, bà Lê Thị P1 trả lại phần đất 288,9 m^2 (phần ký hiệu 8-2 diện tích 286.3 m^2, 8-3 diện tích 2.0 m^2, 8-4 diện tích 0,6 m^2).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Phạm Quang H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị P, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Xuân H2 không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Phần đất tranh chấp 288,9 m^2 (phần ký hiệu 8-2 diện tích 286.3 m^2, 8-3 diện tích 2.0 m^2, 8-4 diện tích 0,6 m^2) phía nguyên đơn cho rằng không có chuyển nhượng cho bị đơn ông Võ Quang H4 mà chỉ cho thuê để làm nhà máy xay lúa. Phía bị đơn ông H4 cho rằng đã nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp này với giá 600.000 đồng thể hiện rõ nội dung trên "Tờ sang nhượng đất để làm nhà máy xây lúa ngày 23/12/1990". Ông Huỳnh Thanh M khi con sống cũng thừa nhận là ông M có ký tên vào "Tờ sang nhượng đất để làm nhà máy xây lúa ngày 23/12/1990", còn chữ ký của bà Bùi Thị P là do ông M tự ký cho bà P. Bà P cũng thừa nhận bà P có dùng số tiền 600.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Từ khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông H4 đã quản lý và sử dụng đất, gia đình bà P ở kế bên không có ý kiến phản đối. Việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng đất thửa 1301 cho gia đình ông H4 là đúng trình tự thủ tục quy định. Do đó, có cơ sở khẳng định phần đất tranh chấp là ông M, bà P đã chuyển nhượng cho gia đình ông H4. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ D, chị Huỳnh Thị Mỹ H1, chị Huỳnh Thị Hồng C, chị Huỳnh Thị Kim H3, chị Huỳnh Thị Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị P, Huỳnh Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Mỹ H1, Huỳnh Thị Hồng C, Huỳnh Thị Xuân H2, Huỳnh Thị Kim H3, Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu ông Võ Quang H4, bà Lê Thị P1 trả lại phần đất 288,9 m^2 (phần ký hiệu 8-2 diện tích 286.3 m^2, 8-3 diện tích 2.0 m^2, 8-4 diện tích 0,6 m^2);

yêu cầu hủy tờ nhượng đất để làm nhà máy xay lúa ngày 23/12/1990, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Quang H4 đối với thửa đất 1310, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo công văn số: 291/CNBĐ – TTLT ngày 02/4/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B xác định thửa đất 1301, diện tích 225m^2, tờ bản đồ số 2, toạ lạc Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long) được UBND huyện B cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Quang H4 vào ngày 13/12/2000, theo tư liệu chính quy thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 16 (BL 214, 29). Theo công văn số: 740/CNBĐ-TTLT ngày 01/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thửa đất số 8, tờ bản đồ số 16, xã P, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai không cung cấp được theo tư liệu cũ (số liệu 299 không chính quy) của thửa đất số 8 gồm những thửa đất nào vì giữa hai nền bản đồ không trùng khớp; diện tích thửa 1301 có sự chênh lệch so với Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 31/01/2019 là do sai số đo đạc (BL 450). Tuy nhiên, tại biên bản đối chất ngày 06/3/2019, bà Bùi Thị P và tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Quang H là người đại diện hợp pháp của bà P thừa nhận vị trí phần đất tranh chấp 288,9 m^2 (phần ký hiệu 8-2 diện tích 286.3 m^2, 8-3 diện tích 2.0 m^2, 8-4 diện tích 0,6 m^2) đúng với vị trí phần đất nằm trong *"Tờ sang nhượng đất để làm nhà máy xây lúa ngày 23/12/1990"* nhưng cho rằng chỉ cho gia đình ông H4 thuê để làm nhà máy xay lúa (BL 211 – 212, 163).

[2.2] *"Tờ sang nhượng đất để làm nhà máy xây lúa ngày 23/12/1990"* có nội dung là: Vợ chồng ông Huỳnh Thanh M, bà Bùi Thị P nhượng đất nền nhà cho ông Võ Quang H4 chiều ngang 10,5m, chiều dài 31m để làm nhà máy xay lúa với số tiền 600.000 đông (BL 163). Tại biên bản xác nhận Bản góc Tờ sang nhượng đất để lập nhà máy xay lúa ngày 21/5/2007 được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại lập trong vụ án thụ lý số: 08/2007/TLST – DS ngày 19/01/2007 giữa nguyên đơn ông Võ Quang H4 với bị đơn ông Huỳnh Thanh M thì ông Huỳnh Thanh M thừa nhận "Tờ sang nhượng đất để làm nhà máy xây lúa ngày 23/12/1990" là do ông Huỳnh Thanh M viết và ký tên xác nhận, còn chữ ký của bà Bùi Thị P là do ông M ký thay (BL 112).

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/9/2019, anh Trần Văn T4 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (BL 337); tại phiên sơ thẩm ngày 20/5/2025 (BL 601) và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Phạm Quang H là người đại diện hợp pháp của bà P cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trong "Tờ sang nhượng đất để làm nhà máy xây lúa ngày 23/12/1990" là do ông M viết và ký tên, còn chữa ký của bà P là do ông M ký thay.

Tại biên lấy lời khai ngày 30/8/2018 bà P thừa nhận vợ chồng bà sử dụng số tiền 600.000 đồng này để trả nợ cho Nhà nước (BL 94 - 98). Như vậy, cho thấy mặc dù bà P không ký vào "Tờ sang nhượng đất để làm nhà máy xây lúa ngày 23/12/1990" nhưng bà P biết việc ông M chuyển nhượng phần đất này và có sử dụng số tiền mà ông M chuyển nhượng đất. Đối với gia đình ông H4, từ khi nhận chuyển nhượng gia đình ông H4 sử dụng ổn đình từ năm 1990 cho đến nay, đã xây dựng nhà máy xay lúa trên đất.

[2.3] Từ những chứng cứ và phân tích trên [2.1], [2.2], có cơ sở khẳng định phần đất tranh chấp là ông M, bà P đã chuyển nhượng cho gia đình phía bị đơn ông H4, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên cụ thể số tiền là bao nhiêu là thiếu sót nên cấp phúc thẩm tuyên lại phần này.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị P là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà P. Hoàn trả cho bà Bùi Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai số 0011342 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long).

Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị D đã nộp theo biên lai số 0011349 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8- Vĩnh Long), chị D không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị H1 đã nộp theo biên lai số 0011343 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8- Vĩnh Long), chị H1 không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Kim H3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị H3 đã nộp theo biên lai số 0011344 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long), chị H3 không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị T đã nộp theo biên lai số 0011345 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long), chị T không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Xuân H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị H2 đã nộp theo biên lai số 0011348 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long), chị H2 không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị C đã nộp theo biên lai số 0011347 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8- Vĩnh Long), chị C không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị P, chị Huỳnh Thị Mỹ D, chị Huỳnh Thị Mỹ H1, chị Huỳnh Thị Hồng C, chị Huỳnh Thị Xuân H2, chị Huỳnh Thị Kim H3, chị Huỳnh Thị Ngọc T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2025/DS - ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long).

Áp dụng các Điều 26, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 26 của Luật Đất đai năm 2024;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P, chị Huỳnh Thị Mỹ D, chị Huỳnh Thị Mỹ H1, chị Huỳnh Thị Hồng C, Huỳnh Thị Xuân H2, Huỳnh Thị Kim H3, Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu: Yêu cầu ông Võ Quang H4, bà Lê Thị P1 di dời tài sản có trên đất, trả lại diện tích đất 288,9 m^2 (phần ký hiệu 8-2 diện tích 286.3 m^2, 8-3 diện tích 2.0 m^2, 8-4 diện tích 0,6 m^2) thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long); Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử đất cấp cho hộ ông Võ Quang H4 đối với thửa đất số 1301; Yêu cầu hủy Tờ nhượng đất để làm nhà máy xay lúa lập ngày 23/12/1990.

2. Về chi phí tố tụng: Số tiền: 6.689.000 đồng. Buộc nguyên đơn bà Bùi Thị P, chị Huỳnh Thị Mỹ D, chị Huỳnh Thị Mỹ H1, chị Huỳnh Thị Hồng C, chị Huỳnh Thị Xuân H2, chị Huỳnh Thị Kim H3, chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 6.689.000 đồng đồng chi phí tố tụng, các nguyên đơn đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Bùi Thị P. Hoàn trả cho bà Bùi Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai số 0011342 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long).

Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị D đã nộp theo biên lai số 0011349 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8- Vĩnh Long), chị D không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị H1 đã nộp theo biên lai số 0011343 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8- Vĩnh Long), chị H1 không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Kim H3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị H3 đã nộp theo biên lai số 0011344 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long), chị H3 không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị T đã nộp theo biên lai số 0011345 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long), chị T không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Xuân H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị H2 đã nộp theo biên lai số 0011348 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long), chị H2 không phải nộp tiếp.

Buộc chị Huỳnh Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị C đã nộp theo biên lai số 0011347 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Bình Đại (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8- Vĩnh Long), chị C không phải nộp tiếp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng